

BỘ QUỐC PHÒNG

THÔNG TƯ số 14/2004/TT-BQP ngày 16/02/2004 hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường và trợ cấp đối với quân nhân, công chức, công nhân viên quốc phòng và lao động hợp đồng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ; Thông tư số 10/2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường và trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 113/LĐTBXH-ATLĐ ngày 12/01/2004; Bộ Nội vụ tại Công văn số 100/BNV-TL ngày 15/01/2004; Bộ Tài chính tại Công văn số 238/TC-VI ngày 07/01/2004, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường và trợ cấp đối với quân nhân, công chức, công nhân viên quốc phòng và lao động hợp đồng thuộc các cơ quan, đơn vị quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Quân nhân, công chức, công nhân viên

quốc phòng và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng (kể cả người học nghề, tập nghề...) thuộc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây gọi chung là người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp bị thương, hy sinh được xác nhận là thương binh, liệt sĩ.

II. CHẾ ĐỘ BỒI THƯỜNG, TRỢ CẤP

1. Chế độ bồi thường:

1.1. Điều kiện để người lao động được bồi thường:

1.1.1. Đối với tai nạn lao động:

Tai nạn lao động xảy ra do tác động bởi các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong lao động hoặc gắn với quá trình lao động gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong trong huấn luyện, công tác, học tập, lao động, sản xuất hoặc các hoạt động gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ (kể cả thời gian giải quyết các nhu cầu cần thiết trong thời gian làm việc theo quy định của Bộ Luật Lao động).

Người lao động bị tai nạn lao động theo quy định nêu trên, nếu nguyên nhân tai nạn lao động xảy ra do lỗi của người sử dụng lao động theo kết luận của biên bản điều tra tai nạn lao động.

09677174

Việc bồi thường được thực hiện từng lần; tai nạn lao động xảy ra lần nào thì thực hiện bồi thường lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó.

1.1.2. Đối với bệnh nghề nghiệp:

Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do các yếu tố điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động tới người lao động theo danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (Phụ lục 1).

Người lao động bị bệnh nghề nghiệp theo quy định nêu trên được bồi thường theo kết luận của Biên bản kết luận của cơ quan Pháp y hoặc của Hội đồng Giám định Y khoa có thẩm quyền trong các trường hợp:

+ Bị chết do bệnh nghề nghiệp khi đang làm việc hoặc trước khi chuyển làm công việc khác, trước khi thôi việc, trước khi mất việc, trước khi nghỉ hưu.

+ Thực hiện khám giám định bệnh nghề nghiệp định kỳ (theo quy định của Bộ Y tế) để xác định mức độ suy giảm khả năng lao động.

Việc bồi thường bệnh nghề nghiệp được thực hiện từng lần theo quy định sau: Lần thứ nhất căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động do lần khám đầu xác định; sau đó kể từ lần thứ hai trở đi căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động tăng lên để bồi thường phần chênh lệch mức (%) suy giảm khả năng lao động tăng hơn so với lần trước liền kề.

1.2. Mức bồi thường:

Mức bồi thường tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1.1 nêu trên được tính như sau:

1.2.1. Ít nhất bằng 30 tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

1.2.2. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; sau đó nếu bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% đến dưới 81% thì cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí.

Cách tính mức bồi thường:

Cách tính mức bồi thường đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% đến dưới 81% (tra theo bảng tính mức bồi thường, trợ cấp theo mức suy giảm khả năng lao động từ 5% đến từ vong - Phụ lục 2) hoặc được tính theo công thức dưới đây:

$$Tbt = 1,5 + [(a - 10) \times 0,4]$$

Trong đó:

+ Tbt: Mức bồi thường cho người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính là tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí);

+ 1,5: Mức bồi thường khi suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%;

+ a: Tỷ lệ (%) suy giảm khả năng lao

động của người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

+ 0,4: Hệ số bồi thường khi suy giảm khả năng lao động tăng 1%.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn A bị bệnh nghề nghiệp, sau khi giám định lần thứ nhất xác định mức suy giảm khả năng lao động là 20%. Mức bồi thường lần thứ nhất cho đồng chí Nguyễn Văn A được tính như sau:

$T_{bt} = 1,5 + [(20 - 10) \times 0,4] = 5,5$ (tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí).

Định kỳ, đồng chí Nguyễn Văn A giám định sức khỏe lần thứ hai mức suy giảm khả năng lao động là 35% (mức suy giảm khả năng lao động đã tăng hơn so với lần thứ nhất là 15%). Mức bồi thường lần thứ hai cho đồng chí Nguyễn Văn A là:

$T_{bt} = 15 \times 0,4 = 6,0$ (tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí).

2. Chế độ trợ cấp:

2.1. Người lao động bị tai nạn lao động trong các trường hợp sau thì được trợ cấp:

Tai nạn lao động theo quy định tại điểm 1.1.1 khoản 1.1 Mục 1 nêu trên, nhưng do lỗi trực tiếp của người lao động theo kết luận của Biên bản kết luận tai nạn lao động;

Tai nạn được coi là tai nạn lao động khi tai nạn xảy ra đối với người lao động khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở hoặc tai nạn do những nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn và các trường hợp rủi ro khác

gắn liền với việc thực hiện các công việc, nhiệm vụ hoặc không xác định được người gây ra tai nạn xảy ra tại nơi làm việc.

Việc trợ cấp được thực hiện từng lần; tai nạn xảy ra lần nào thì thực hiện trợ cấp lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó.

2.2. Mức trợ cấp:

Mức trợ cấp tai nạn lao động được tính như sau:

2.2.1. Ít nhất bằng 12 tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc chết do tai nạn lao động;

2.2.2. Ít nhất bằng 0,6 tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu suy giảm khả năng lao động từ trên 10% đến dưới 81% mức trợ cấp bằng 0,4 lần mức bồi thường ứng với tỷ lệ (%) suy giảm khả năng lao động nêu trên.

Cách tính mức trợ cấp:

Cách tính mức trợ cấp đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% đến dưới 81% (tra theo bảng tính mức bồi thường, trợ cấp theo mức suy giảm khả năng lao động từ 5% đến tử vong - Phụ lục 2) hoặc được tính theo công thức dưới đây:

$$T_{tc} = T_{bt} \times 0,4.$$

Trong đó:

+ T_{tc} : Mức trợ cấp cho người lao động

bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính là tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí);

+ Tbt: Mức bồi thường cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên ứng với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động được tính trợ cấp (đơn vị tính là tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí);

+ 0,4: Hệ số tỷ lệ mức trợ cấp so với mức bồi thường tương ứng với tỷ lệ (%) suy giảm khả năng lao động.

Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Văn B, bị tai nạn lao động, sau khi giám định lần thứ nhất xác định mức suy giảm khả năng lao động là 15%. Mức trợ cấp lần thứ nhất cho đồng chí Nguyễn Văn B được tính như sau:

$Ttc = Tbt \times 0,4 = 3,5 \times 0,4 = 1,4$ (tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí).

Lần thứ hai đồng chí Nguyễn Văn B bị tai nạn khi đi từ nơi làm việc về nơi ở (tai nạn được coi là tai nạn lao động), sau khi giám định sức khỏe mức suy giảm khả năng lao động là 20%. Mức trợ cấp lần thứ hai cho đồng chí B là:

$Ttc = 5,50 \times 0,4 = 2,20$ (tháng tiền lương hoặc sinh hoạt phí).

3. Các mức bồi thường, trợ cấp theo quy định là tối thiểu, đối với các doanh nghiệp khuyến khích thực hiện bồi thường, trợ cấp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở mức cao hơn.

4. Tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi

thường hoặc trợ cấp đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương được tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi tai nạn lao động xảy ra hoặc trước khi được xác định bị bệnh nghề nghiệp, gồm lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ (nếu có) hoặc tiền lương theo hợp đồng lao động.

Trường hợp thời gian làm việc không đủ 6 tháng thì lấy tiền lương của tháng liền kề hoặc tiền lương theo hình thức trả lương tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động hoặc xác định bị bệnh nghề nghiệp để tính mức bồi thường, trợ cấp.

Mức sinh hoạt phí hàng tháng để làm căn cứ bồi thường, trợ cấp cho người hưởng sinh hoạt phí bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tính bằng 02 tháng lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động hoặc được xác định bị bệnh nghề nghiệp.

III. HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC

1. Hồ sơ:

Hồ sơ được lập thành 03 bộ: Đơn vị cấp sơ đoàn và tương đương, hoặc doanh nghiệp giữ 01 bộ; người bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp (hoặc thân nhân của người lao động bị chết) giữ 01 bộ; gửi cơ quan chính sách đơn vị cấp trực thuộc Bộ 01 bộ để xét duyệt và làm thủ tục trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thực hiện chế độ (đối với khối đơn vị

dự toán) hoặc lưu (đối với khối đơn vị sản xuất, kinh doanh). Cụ thể như sau:

1.1. Hồ sơ đối với người bị tai nạn lao động:

1.1.1. Biên bản kết luận tai nạn lao động của cấp trung đoàn (tương đương) trở lên.

1.1.2. Biên bản giám định (văn bản xác định mức độ suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động) của Hội đồng giám định Y khoa có thẩm quyền theo Quyết định số 1636/QĐ-QP ngày 05/10/1996 của Bộ Quốc phòng quy định việc giám định y khoa trong quân đội.

1.1.3. Giấy báo tử đối với trường hợp bị chết.

1.1.4. Quyết định bồi thường, trợ cấp của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Mục 2 Phần IV Thông tư này (Phụ lục 3).

1.2. Hồ sơ đối với người bị bệnh nghề nghiệp:

1.2.1. Hồ sơ khám tuyển và khám sức khỏe định kỳ; những hồ sơ bệnh án và điều trị bệnh (nếu có); Biên bản xác định môi trường độc hại...

1.2.2. Biên bản xác định người lao động bị chết do bệnh nghề nghiệp của cơ quan Pháp y hoặc Biên bản giám định xác định mức độ suy giảm khả năng lao động do bệnh nghề nghiệp của Hội đồng Giám định Y khoa có thẩm quyền theo Quyết định số 1636/QĐ-QP ngày 05/10/1996 của Bộ Quốc phòng quy định việc giám định y khoa trong quân đội.

1.2.3. Quyết định bồi thường của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Mục 2 Phần IV Thông tư này (Phụ lục 4).

2. Quy trình lập hồ sơ, xét duyệt và ra quyết định thực hiện chế độ:

2.1. Khi người lao động bị tai nạn lao động hoặc bị bệnh nghề nghiệp, Thủ trưởng cấp Trung đoàn (hoặc tương đương) trở lên hoặc Giám đốc doanh nghiệp lập Biên bản kết luận tai nạn lao động; lập và cung cấp các hồ sơ có liên quan; đồng thời phối hợp với Hội đồng Giám định Y khoa có thẩm quyền để tổ chức giám định mức độ suy giảm khả năng lao động cho đối tượng; hoặc phối hợp với cơ quan Pháp y lập Biên bản người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.2. Thủ trưởng đơn vị cấp trực thuộc Bộ ra quyết định thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với đối tượng thuộc khối dự toán. Giám đốc doanh nghiệp hoặc Thủ trưởng đơn vị trực tiếp ra quyết định thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với đối tượng thuộc khối hạch toán.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tăng cường các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, biện pháp phòng ngừa để hạn chế tối đa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thường xuyên chăm lo sức khỏe đối với người lao động; định kỳ tổ

chức khám sức khỏe để phát hiện những trường hợp bị bệnh nghề nghiệp, kịp thời tổ chức điều trị; tổ chức giám định mức độ suy giảm khả năng lao động để thực hiện chế độ bồi thường theo quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Giám đốc các doanh nghiệp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện; ra quyết định thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho đối tượng thuộc quyền theo quy định.

3. Quyết định bồi thường, trợ cấp của cấp có thẩm quyền theo quy định đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải được thực hiện trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Biên bản giám định của Hội đồng Giám định Y khoa hoặc cơ quan Pháp y.

Tiền bồi thường, trợ cấp phải được thanh toán một lần cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc thân nhân của họ trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định bồi thường, trợ cấp của Thủ trưởng đơn vị, Giám đốc doanh nghiệp.

4. Người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà suy giảm khả năng lao động từ 5% đến dưới 81% thì được hưởng chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục truy trả chế độ cho đối tượng theo quy định trên.

5. Nguồn kinh phí bồi thường, trợ cấp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc khối dự toán được tính vào kinh phí thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị.

6. Các đối tượng được bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Thông tư này vẫn được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (nếu có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) theo quy định hiện hành.

7. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; thay thế Thông tư số 2147/1999/TT-BQP ngày 30/7/1999 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng bị tai nạn lao động. Cục Chính sách - Tổng cục Chính trị chủ trì phối hợp với Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và hướng dẫn việc tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - TCCT) để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Thủ trưởng

Trung tướng **Nguyễn Văn Rinh**

Phụ lục 1**DANH MỤC 21 BỆNH NGHỀ NGHIỆP ĐƯỢC BỒI THƯỜNG**

(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16/02/2004 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

Nhóm I: Các bệnh bụi phổi và phế quản

- 1.1. Bệnh bụi phổi Silic nghề nghiệp.
- 1.2. Bệnh bụi phổi Atbet (Amiăng).
- 1.3. Bệnh bụi phổi bông.
- 1.4. Bệnh viêm phế quản mãn tính nghề nghiệp.

Nhóm II: Các bệnh nhiễm độc nghề nghiệp

- 2.1. Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất chì.
- 2.2. Bệnh nhiễm độc Benzen và các hợp chất đồng đẳng của Benzen.
- 2.3. Bệnh nhiễm độc Thủy ngân và các hợp chất của Thủy ngân.
- 2.4. Bệnh nhiễm độc Mangan và các hợp chất của Mangan.
- 2.5. Bệnh nhiễm độc TNT (trinitro toluen).
- 2.6. Bệnh nhiễm độc Asen và các chất Asen nghề nghiệp.
- 2.7. Bệnh nhiễm độc chất Nicotin nghề nghiệp.
- 2.8. Bệnh nhiễm độc hóa chất trừ sâu nghề nghiệp.

Nhóm III: Các bệnh nghề nghiệp do yếu tố vật lý

- 3.1. Bệnh do quang tuyến X và các chất phóng xạ.
- 3.2. Bệnh điếc do tiếng ồn.
- 3.3. Bệnh rung chuyển nghề nghiệp.
- 3.4. Bệnh giảm áp mãn tính nghề nghiệp.

Nhóm IV: Các bệnh da nghề nghiệp

- 4.1. Bệnh sạm da nghề nghiệp.
- 4.2. Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc.

Nhóm V: Các bệnh nhiễm khuẩn nghề nghiệp

- 5.1. Bệnh lao nghề nghiệp.
- 5.2. Bệnh viêm gan virút nghề nghiệp.
- 5.3. Bệnh do xoắn khuẩn *Leptospira* nghề nghiệp.

Phụ lục 2
BẢNG TÍNH

**Mức bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn
lao động, bệnh nghề nghiệp**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16/02/2004 của Bộ Quốc
phòng về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với
người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).*

Số thứ tự	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng lương)
01	05 - 10	1,50	0,60
02	11	1,90	0,76
03	12	2,30	0,92
04	13	2,70	1,08
05	14	3,10	1,24
06	15	3,50	1,40
07	16	3,90	1,56
08	17	4,30	1,72
09	18	4,70	1,88
10	19	5,10	2,04
11	20	5,50	2,20
12	21	5,90	2,36
13	22	6,30	2,52
14	23	6,70	2,68
15	24	7,10	2,84
16	25	7,50	3,00
17	26	7,90	3,16
18	27	8,30	3,32
19	28	8,70	3,48
20	29	9,10	3,64
21	30	9,50	3,80
22	31	9,90	3,96
23	32	10,30	4,12
24	33	10,70	4,28
25	34	11,10	4,44
26	35	11,50	4,60

Số thứ tự	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng lương)
27	36	11,90	4,76
28	37	12,30	4,92
29	38	12,70	5,08
30	39	13,10	5,24
31	40	13,50	5,40
32	41	13,90	5,56
33	42	14,30	5,72
34	43	14,70	5,88
35	44	15,10	6,04
36	45	15,50	6,20
37	46	15,90	6,36
38	47	16,30	6,52
39	48	16,70	6,68
40	49	17,10	6,84
41	50	17,50	7,00
42	51	17,90	7,16
43	52	18,30	7,32
44	53	18,70	7,48
45	54	19,10	7,64
46	55	19,50	7,80
47	56	19,90	7,96
48	57	20,30	8,12
49	58	20,70	8,28
50	59	21,10	8,44
51	60	21,50	8,60
52	61	21,90	8,76
53	62	22,30	8,92
54	63	22,70	9,08
55	64	23,10	9,24
56	65	23,50	9,40
57	66	23,90	9,56
58	67	24,30	9,72
59	68	24,70	9,88
60	69	25,10	10,04

Số thứ tự	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng lương)
61	70	25,50	10,20
62	71	25,90	10,36
63	72	26,30	10,52
64	73	26,70	10,68
65	74	27,10	10,84
66	75	27,50	11,00
67	76	27,90	11,16
68	77	28,30	11,32
69	78	28,70	11,48
70	79	29,10	11,64
71	80	29,50	11,80
72	81 đến tử vong	30,00	12,00

Phụ lục 3

(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16/02/2004 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
Số: /QĐ

..... Ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH BỒI THƯỜNG (TRỢ CẤP) TAI NẠN LAO ĐỘNG

- Căn cứ Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động;

- Căn cứ Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16/02/2004 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với quân nhân, công chức, công nhân viên quốc phòng và người lao động hợp đồng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Căn cứ Biên bản kết luận tai nạn lao động số.....ngày...../...../..... và Biên bản giám định mức độ suy giảm khả năng lao động số ngày...../...../..... của Hội đồng Giám định Y khoa;

- Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Đồng chí..... Sinh ngày.....

Cấp bậc, chức vụ:

Nghề nghiệp:

Cơ quan, đơn vị:.....

096 647 7777 *
Tel: +84-8-3845 6684 *
www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft *

Bị tai nạn lao động ngày:.....

Mức suy giảm khả năng lao động:..... %.

Tổng số tiền bồi thường hoặc trợ cấp:..... đồng.

(Số tiền bằng chữ:.....)

Nơi nhận bồi thường hoặc trợ cấp:.....

Điều 2:

và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

109673474
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Phụ lục 4

(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16/02/2004 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
Số: /QĐ

..... Ngày.....thángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH BỒI THƯỜNG BỆNH NGHỀ NGHIỆP

- Căn cứ Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động;

- Căn cứ Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16/02/2004 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với quân nhân, công chức, công nhân viên quốc phòng và người lao động hợp đồng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Căn cứ hồ sơ bệnh nghề nghiệp và Biên bản giám định mức độ suy giảm khả năng lao động số ngày...../...../..... của Hội đồng Giám định Y khoa hoặc Biên bản xác định người lao động bị chết do bệnh nghề nghiệp của cơ quan Pháp y số..... ngày...../...../.....;

- Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Đồng chí..... Sinh ngày

Cấp bậc, chức vụ:

Nghề nghiệp:

Cơ quan, đơn vị:.....

Bị bệnh nghề nghiệp (nêu tên loại bệnh nghề nghiệp đã mắc phải):.....

Mức suy giảm khả năng lao động:..... %.

Tổng số tiền bồi thường :..... đồng.

(Số tiền bằng chữ:.....)

.....)

Nơi nhận bồi thường:

Điều 2:

và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**
(Ký tên, đóng dấu)

09673474

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com